

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HS-ST

Ngày 24 – 6 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miên

Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Sol

Ông Tiêu Minh Tiên

Ông Triệu Quang Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quốc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Tùng E**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1989 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp Cái Tràm A1, xã Long Thạnh, Hện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng Minh (đã chết) và bà Bùi Thị Hương; vợ, Nguyễn Thị Vân (ly hôn năm 2020) và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2024 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Tấn Anh – Là Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng luật sư Thanh Bình thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: 178/31/13 Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Minh H, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số 169/17, Khóm 3, Phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn T là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại, dịch vụ Sao Tháng Năm, có trụ sở tại Số 178/31/13, đường Huỳnh Văn Lũy, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cHên kinh doanh mua bán xe ô tô đã qua sử dụng. Trần Tùng E là người môi giới mua bán xe ô tô đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu nên làm môi giới cho ông T để hưởng huê hồng (tiền cò). Hình thức hợp tác: Khi tìm được người có nhu cầu bán ô tô thì Tùng E đến xE xe, chụp ảnh xe, giấy tờ xe và giá bán xe gửi qua ứng dụng Zalo cho ông T xE. Khi thương lượng thống nhất mua bán thì ông T cho nhân viên xuống kiểm tra rồi tiến hành các thủ tục mua bán. Sau nhiều lần giao dịch môi giới ông T tin tưởng nên các lần sau này ông T chỉ ra giá rồi giao cho Tùng E các thủ tục còn lại. Khi thống nhất giá mua bán thì ông T cHên tiền cho Tùng E đặt cọc, nhận xe, số tiền còn lại đến khi hai bên làm thủ tục công chứng thì trả đủ. Hoặc thống nhất xong giá mua bán thì ông T cHên đủ tiền cho Tùng E để Tùng E trả cho chủ xe. Lợi dụng sự tin tưởng của ông T, khoảng thời gian từ cuối tháng 6/2022 đến tháng 10/2022, Tùng E đã có hành vi gian dối chiếm đoạt 1.082.000.000đ của ông T trong việc cHên tiền mua 05 chiếc xe. Cụ thể:

Xe ô tô thứ nhất: Hiệu Toyota Vios, biển số 69A-058.34 do ông Lê Chí Ta trú ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đăng ký sở hữu.

Khoảng tháng 6/2022, ông Ta có nhu cầu bán xe ô tô Vios, biển số 69A-058.34, giá bán 360.000.000đ. Bị cáo đến xE xe, chụp ảnh xe và gửi ảnh xe cho ông T qua zalo. Ông T xE và chỉ đồng ý mua với giá 330.000.000đ. Bị cáo thương lượng với ông Ta thì ông Ta chỉ đồng ý bán giá 340.000.000đ nên không xác lập được việc mua bán.

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, ngày 24/6/2022, bị cáo nói dối với ông T là ông Ta đồng ý bán xe giá 330.000.000đ. Tin là thật nên ông T cHên 330.000.000đ vào tài khoản của bị cáo. Nhận được tiền bị cáo cHên cho ông Ta 140.000.000đ và thoả thuận với ông Ta 200.000.000đ vài ngày sau sẽ thanh toán.

Sau đó, ông T nhiều lần yêu cầu bị cáo giao xe thì bị cáo nói thật với ông T là đã chi xài hết số tiền 190.000.000đ, không còn tiền trả cho ông Ta để nhận xe. Ngày 26/8/2022, ông T gặp ông Ta thanh toán 200.000.000đ để tiếp tục thực hiện việc mua bán xe.

Như vậy, trong giao dịch môi giới mua bán xe Toyota Vios bị cáo Tùng E đã gian dối chiếm đoạt của ông T 190.000.000đ.

Xe ô tô thứ hai: Hiệu Toyota Innova, biển số 69A-079.48 do ông Ngô Minh H trú Số 167/17, Khóm 3, Phường 4, thành phố Cà Mau đăng ký sở hữu.

Ông H kêu bán xe Innova, biển số 69A-079.48, giá bán 230.000.000đ. Bị cáo môi giới và ông T chỉ đồng ý mua giá 180.000.000đ nên hai bên không xác lập được việc mua bán.

Do cần tiền chi tiêu, ngày 04/7/2022, bị cáo nói dối với ông T là ông H đồng ý bán xe giá 180.000.000đ. Ông T tin là thật đã cHên cho bị cáo số tiền 180.000.000đ để mua xe. Song, bị cáo chỉ cHên cho ông H đặt cọc 20.000.000đ và hẹn 03 ngày sau sẽ trả đủ số tiền còn lại. Tuy nhiên, số tiền còn lại 160.000.000đ bị cáo chi xài hết,

đến hẹn không có tiền trả nên bị cáo thừa nhận với ông T. Do ông T không đồng ý mua nên ông H không trả lại tiền đặt cọc 20.000.000đ.

Như vậy, trong giao dịch môi giới mua bán xe Innova bị cáo đã gian dối chiếm đoạt của ông T số tiền 160.000.000đ.

Xe ô tô thứ ba: Hiệu Toyota Innova, biển số 94A-063.30 do ông Đặng Minh Đ trú số 36, đường Dương Thị Sáu, Khóm 7, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đăng ký sở hữu.

Xe ô tô Innova, biển số 94A-063.30 do ông Đặng Minh Đ chủ sở hữu nhưng đã bán lại cho Nguyễn Chí Đe trú ấp Bình Điền, xã Long Điền Tây, Hện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, ông Đe kêu bán xe với giá 440.000.000đ. Bị cáo môi giới ông T chỉ đồng ý mua giá 430.000.000đ nên không xác lập việc mua bán.

Do cần tiền chi tiêu, ngày 05/7/2022, bị cáo gửi qua zalo hình ảnh chiếc xe ô tô Innova cho ông T và nói dối là chủ xe đồng ý bán xe giá 430.000.000đ. Do tin tưởng, ông T đã cHên cho bị cáo 300.000.000đ để đặt cọc mua xe.

Xe ô tô thứ tư: Hiệu Kia K250, biển số 69C-062.90 do ông Huỳnh T Ngtrú Số 11A, đường Rạch Rập, Khóm 1, Phường 8, thành phố Cà Mau đăng ký sở hữu.

Xe ô tô Kia K250, biển số 69C-062.90 do ông Huỳnh T Ngđăng ký sở hữu nhưng ông Ngđã bán cho Nguyễn Tấn L và ông L đã bán xe lại cho Châu Văn U, thường ngày ông U kêu bán xe với giá 360.000.000đ.

Bị cáo môi giới nhưng ông T chỉ đồng ý mua xe với giá 340.000.000đ nên hai bên không xác lập được việc mua bán. Do cần tiền chi tiêu, ngày 05/7/2022, bị cáo nói dối với ông T là ông U đồng ý bán xe giá 340.000.000đ. Do tin tưởng nên ông T cHên cho bị cáo 340.000.000đ để mua xe. Nhận được tiền, bị cáo chiếm đoạt chi xài cho cá nhân.

Chiều cùng ngày (05/7), bị cáo nhận được 300.000.000đ tiền ông T cHên để đặt cọc mua xe Innova (xe mua của ông Đe), bị cáo đặt cọc cho ông Út 200.000.000đ và nhận xe Kia K250, thỏa thuận số tiền còn lại khi lập hợp đồng công chứng sẽ giao đủ, bị cáo thuê tài xế chạy xe ô tô Kia K250 giao cho ông T.

Đến ngày 06/7/2022, do không có tiền đưa cho ông U nên bị cáo thừa nhận với ông T là đã chi xài hết tiền, còn nợ ông U số tiền 160.000.000đ. Sự việc đã xảy ra nên ông T đã trực tiếp đến gặp và trả ông U 160.000.000đ còn lại rồi nhận giấy tờ xe.

Như vậy, trong giao dịch môi giới mua bán xe Kia K250, biển số 69C-062.90 và xe Innova, biển số 94A-063.30 bị cáo đã chiếm đoạt của ông T số tiền 440.000.000đ.

Xe ô tô thứ năm: Hiệu Mitsubishi XPander, biển số 69A-072.26 do bà Trương Hồng Nhitrú ấp Cái Giếng, xã Tân Hưng, Hện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đăng ký sở hữu.

Khoảng tháng 10/2022, vợ chồng ông Phan Văn Đo (Phan Văn Đo và Trương Hồng Nhi) kêu bán xe ô tô XPander, biển số 69A-072.26, giá bán 500.000.000đ. Bị cáo môi giới nhưng ông T chỉ đồng ý mua xe với giá 480.000.000đ nên hai bên không xác lập việc mua bán.

Ngày 28/10/2022, bị cáo nói dối với ông T là bên bán đồng ý bán xe giá 480.000.000đ và gửi cho ông T xE hình ảnh bị cáo đang ngồi tại quán cà phê với ông Do nhưng thực chất là người khác; đồng thời, bị cáo tự viết giấy bán xe ghi tên Phan Văn Do rồi chụp hình giấy bán xe gửi qua zalo cho ông T xE.

Do vẫn nghi ngờ nên ông T yêu cầu bị cáo đưa số tài khoản của chủ xe để ông T cHển tiền. Bị cáo mượn số tài khoản của Trần Thị Thanh Nh là người quen của bị cáo và nói dối là tài khoản do ông Do cung cấp. Ông T tin là thật nên cHển vào số tài khoản nêu trên số tiền 460.000.000đ. Nhận được tiền, bị cáo kêu Như cHển vào số tài khoản của bị cáo 459.500.000đ, còn lại 500.000đ thì bị cáo nạp tiền điện thoại 60.000đ và mua sữa, quần áo cho con của bị cáo hết 440.000đ. Khi cho mượn tài khoản chị Nh không biết là bị cáo gian dối ông T.

Ngày 29/10/2022, ông T yêu cầu bị cáo giao xe thì bị cáo nói dối là vợ ông Do không đồng ý bán và xin nhận lại xe. Ông T yêu cầu ông Do phải trả chi phí là 8.000.000đ, bị cáo nói dối là ông Do đồng ý chịu các chi phí nêu trên.

Ngày 30/10/2022, bị cáo cHển vào số tài khoản của Như số tiền 168.000.000đ, nhờ Như cHển số tiền này vào tài khoản của ông T. Bị cáo nói dối là ông Do trả trước 168.000.000đ, còn lại 292.000.000đ vài ngày sau trả, hiện bị cáo đang giữ xe của ông Do. Sau đó, ông T tiếp tục yêu cầu bị cáo kêu ông Do phải cHển trả tiền thì bị cáo viện nhiều lý do để kéo dài thời gian. Lúc này, ông T đòi cho nhân viên xuống thì bị cáo thừa nhận với ông T là đã sử dụng hết số tiền 292.000.000đ.

Như vậy, trong giao dịch môi giới mua bán xe XPander, biển số 69A-072.26, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của ông T 292.000.000đ.

Trong khoảng thời gian Trần Tùng E làm môi giới cho ông Nguyễn T mua xe ô tô, Tùng E đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của ông T tổng số tiền 1.082.000.000đ. Trong đó, xe thứ 01 là 300.000.000đ, xe thứ 02 là 140.000.000đ, xe thứ 03 là 190.000.000đ, xe thứ 04 là 160.000.000đ và xe thứ 05 là 292.000.000đ.

Cáo trạng số 39/CT-VKS-P1 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trần Tùng E về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Tùng E từ 10 năm đến 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Bị cáo Trần Tùng E tiếp tục hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền còn lại là 1.079.000.000đ.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố. Song, yêu cầu Hội đồng xét xử xE xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ sau để giamr nhẹ cho bị cáo với mức hình phạt ở mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị, đó là: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Mặc dù gia đình bị cáo rất khó khăn về kinh tế nhưng bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 3.000.000đ để bồi thường cho bị hại; Nhân thân bị cáo

không tiền án tiền sự; Mẹ già yếu, con còn nhỏ; Gia đình bị cáo có nhiều người thân tham gia cách mạng được tặng H chương; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Bị cáo*: Thống nhất lời bào chữa của người bào chữa; Bị cáo xin lỗi bị hại; Bị cáo đồng ý trả lại 1.082.000.000đ cho bị hại; Xin Hội đồng xét xử xE xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Bị hại*: Yêu cầu bị cáo trả lại 1.082.000.000đ; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ông H*: Ông không trả lại 20.000.000đ tiền bị cáo đặt cọc mua xe 69A-079.48.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người bào chữa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn T là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại, dịch vụ Sao Tháng Năm cHên kinh doanh mua bán xe ô tô đã qua sử dụng. Bị cáo Trần Tùng E là người môi giới cho ông T mua xe để được hưởng huê hồng (tiền cò). Quá trình hợp tác mua bán xe, bị cáo Tùng E đã lừa dối ông T để chiếm đoạt của ông T tổng số tiền 1.082.000.000đ, cụ thể:

* Ông Lê Chí Ta trú ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau kêu bán xe ô tô Vios, qua thương lượng ông Ta đồng ý bán giá 340.000.000đ nhưng ông T chỉ đồng ý mua giá 330.000.000đ nên không xác lập việc mua bán.

Ngày 24/6/2022, bị cáo nói dối với ông T là ông Ta đồng ý bán xe giá 330.000.000đ. Tin là thật nên ông T cHên cho bị cáo 330.000.000đ. Nhận được tiền bị cáo cHên cho ông Ta 140.000.000đ còn lại 190.000.000đ bị cáo chi xài hết. Sau đó, ông T tiếp tục trả ông Ta 200.000.000đ để nhận xe.

* Ông Ngô Minh H trú 167/17, Khóm 3, Phường 4, thành phố Cà Mau kêu bán xe ô tô Innova, giá 230.000.000đ nhưng ông T chỉ đồng ý mua giá 180.000.000đ nên không xác lập việc mua bán.

Ngày 04/7/2022, bị cáo nói dối với ông T là ông H đồng ý bán xe giá 180.000.000đ. Ông T tin là thật nên cHên cho bị cáo 180.000.000đ để mua xe. Nhận được tiền, bị cáo đặt cọc cho ông H 20.00.000đ, còn lại 160.000.000đ bị cáo chi xài hết. Sau đó thì ông T không mua nên ông H bán xe cho người khác.

* Ông Nguyễn Chí Đệ trú ấp Bình Điền, xã Long Điền Tây, Hện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu kêu bán xe ô tô Innova, giá 440.000.000đ nhưng ông T chỉ đồng ý mua với giá 430.000.000đ nên không xác lập việc mua bán.

Ngày 05/7/2022, bị cáo nói dối là chủ xe đồng ý bán giá 430.000.000đ, tin là thật nên ông T đồng ý cHên cho bị cáo 300.000.000đ để đặt cọc mua xe.

* Ông Châu Văn Út trú Số 137, đường Trần Văn Thời, Khóm 4, Phường 6, thành phố Cà Mau kêu bán xe ô tô Kia K250, với giá 360.000.000đ nhưng ông T chỉ đồng ý mua xe với giá 340.000.000đ nên không xác lập việc mua bán.

Ngày 05/7/2022, bị cáo nói dối là ông U đồng ý bán xe giá 340.000.000đ. Tin tưởng nên ông T cHên cho bị cáo 340.000.000đ, nhận được tiền, bị cáo chiếm đoạt chi xài cho cá nhân.

Chiều cùng ngày, bị cáo tiếp tục nhận được 300.000.000đ do T cHên để đặc cọc mua xe Innova của ông Đe. Bị cáo lấy 200.000.000đ đưa ông U đặt cọc mua xe của ông U và bị cáo nhận xe Kia K250 và thuê tài xế chạy xe ô tô Kia K250 đến giao cho ông T.

Đến ngày 06/7/2022, do không có tiền đưa cho ông U nên bị cáo nói với ông T đã chi xài hết tiền, còn nợ ông U 160.000.000đ. Do ông U bán xe giá 360.000.000đ chứ không phải 340.000.000đ nên ông T phải tiếp tục trả cho ông U 160.000.000đ để được nhận các thủ tục giấy tờ xe.

Trong giao dịch môi giới mua bán xe Kia K250, biển số đăng ký 69C-062.90 và xe Innova, biển số 94A-063.30 bị cáo đã chiếm đoạt của ông T số tiền 440.000.000đ.

* Vợ chồng ông Phan Văn Đo (Phan Văn Đo và Trương Hồng Nhi) trú ấp Cái Giếng, xã Tân Hưng, Hện Cái Nước kêu bán xe ô tô XPander, giá bán 500.000.000đ nhưng ông T chỉ đồng ý mua giá 480.000.000đ nên không xác lập được việc mua bán.

Ngày 28/10/2022, bị cáo nói dối là bên bán đồng ý bán xe giá 480.000.000đ và gửi cho ông T xE hình ảnh bị cáo đang ngồi tại quán cà phê với ông Đo nhưng thực chất là người khác; đồng thời, bị cáo tự viết giấy bán xe và ký tên Phan Văn Đo rồi chụp hình giấy bán xe gửi qua zalo cho ông T. Ông T yêu cầu bị cáo đưa sổ tài khoản của chủ xe để cHên tiền. Bị cáo mượn sổ tài khoản của Trần Thị Thanh Nh là người quen của bị cáo và nói dối là tài khoản do ông Đo cung cấp. Ông T tin là thật nên cHên vào tài khoản nêu trên số tiền 460.000.000đ. Nhận được tiền, bị cáo bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền này.

Ngày 29/10/2022, ông T yêu cầu bị cáo giao xe thì bị cáo nói dối là vợ ông Đo không đồng ý bán và xin nhận lại xe nên ông T yêu cầu trả lại tiền cho ông.

Ngày 30/10/2022, bị cáo cHên trả lại ông T 168.000.000đ còn lại 292.000.000đ bị cáo chi xài hết.

Như vậy, trong giao dịch môi giới mua bán xe XPander, biển số 69A-072.26, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt của ông T 292.000.000đ.

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6/2022 đến cuối tháng 10/2022, bị cáo Tùng E đã thực hiện hành vi gian dối trong việc môi giới cho ông T mua 05 chiếc

xe ô tô đã chiếm đoạt tiền của ông T thấp nhất là 140.000.000đ, cao nhất là 300.000.000đ. Hành vi này của bị cáo Tùng E là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T, hành vi này là vi phạm pháp luật hình sự, đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự. Với tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.082.000.000đ, Cáo trạng số 39/CT-VKS-P1 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Trần Tùng E về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo Tùng E là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặt biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết phải áp dụng một hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi Do sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xE xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình nộp 3.000.000đ để bồi thường cho bị hại; Tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có mẹ ruột và cô ruột tham gia cách mạng được tặng H chương, có bà nội là Mẹ Việt Nam Anh Hùng, có bác ruột là liệt sỹ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của ông T 05 lần với số tiền 1.082.000.000đ nên buộc bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền 1.082.000.000đ. Ngày 06 tháng 5 năm 2024, mẹ ruột bị cáo nộp 3.000.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (Biên lai số 0000117) để bồi thường cho bị hại nên được đối trừ, bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục hoàn trả cho bị hại Nguyễn T số tiền 1.079.000.000đ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng;

Do bị cáo và bị hại T đã thống nhất tại giai đoạn điều tra về trách nhiệm dân sự của bị cáo hoàn trả cho ông T 1.082.000.000 đồng; căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tùng E phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tuyên phạt: Bị cáo Trần Tùng E **10 (mười) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 06/3/2024.

2. Trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Tùng E có nghĩa vụ tiếp tục hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền 1.079.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn T nhận lại số tiền 3.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. (Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý 3.000.000đ).

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Tùng E phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo Trần Tùng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Cán bộ THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa hình sự;
- Lưu VT (TA:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Xuân Miến